

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 620/2024/DS-PT

Ngày: 05-12-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Đình Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21/11, 28/11 và 05/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 570/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Quảng Văn T, sinh năm 1947; (Có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị Bạch T1, sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Quãng Văn T; sinh năm 1947; Cùng địa chỉ: Số A, đường Đ, Tổ D, khóm E, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số F, đường N, Tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A, Tổ C, Khóm D, Phường D, thành phố C, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2024) (Có mặt)

4. Người kháng cáo:

Ông Võ Văn Đ – là đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Ông Nguyễn Minh T2 – là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn do ông Quãng Văn T trình bày: Diện tích đất 66,4m², thuộc thửa số 79, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại phường A, thành phố C có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Kim Ân ngày 08/6/1978 và được công nhận bởi Quyết định số: 266/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 12/8/2019, ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02176 (số bìa: CR 946329), mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Phần đất trên do ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 quản lý sử dụng xuyên suốt từ năm 1978 đến nay.

Đến khoảng tháng 02 năm 2021, ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 phát hiện ông Nguyễn Minh C đã lấn chiếm phần đất diện tích 66,4m² thửa 79, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại phường A, thành phố C để buôn bán sũa đậu nành. Hiện nay, ông C đã dựng mái hiên, che bạc buôn bán trên phần đất của ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1.

Vì phần đất của ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 có giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn T3 (Cha của ông C) đã bị thu hồi và ông C tái chiếm lại đất công và có cả diện tích đất 66,4m² của ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 tiếp giáp với đất của ông T3.

Khi phát hiện việc lấn chiếm đất của ông C, ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 có cho ông C xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 12/8/2019 và yêu cầu ông C tháo dỡ mái che, di dời vật dụng và vật kiến trúc ra khỏi đất nêu trên để trả đất. Nhưng ông C nói chờ ông tìm chỗ mới di dời trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1. Ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 đồng ý để ông C tìm chỗ khác và cho thời hạn tối đa là 01 năm để tìm chỗ mới di dời trả đất lấn chiếm. Nhưng đến hết hạn 01 năm mà ông C vẫn chưa di dời trả đất, ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1. Ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 có rào phần đất ông C lấn chiếm nhưng sau đó ông C tháo dỡ hàng rào và lấy luôn vật dụng làm hàng rào và tiếp tục buôn bán trên phần đất này. Ngoài ra, trên đất tranh chấp phía ông T có trồng 01 cây Xoài từ năm 1978 đến năm 2021 thì cây Xoài chết chỉ còn 01 nhánh, nhưng sau đó ông T thấy cây X không còn, cũng không xác định được ai đốn cây. Sự việc được ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 trình báo đến Ủy ban nhân dân phường A thành phố C và được mời hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trên đất tranh chấp có một số vật dụng như: Bạc che, bàn, ghế bằng nhựa do ông Nguyễn Minh C và Nguyễn Minh T2 trực tiếp quản lý, sử dụng cùng nhau buôn bán sữa đậu nành. Ngoài ra không có cây trồng gì khác.

Nay ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Minh C cùng với ông Nguyễn Minh T2 có nghĩa vụ tháo dỡ mái che, di dời toàn các vật dụng, vật kiến trúc và các chướng ngại ra khỏi phần đất diện tích 66,4m², thuộc thửa số 79, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại phường A, thành phố C để trả cho ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 sử dụng.

- Ông Nguyễn Minh C do ông Võ Văn Đ đại diện trình bày: Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T đối với diện tích đất tranh chấp không phù hợp quy định pháp luật; Phần đất tranh chấp là của gia đình ông C sử dụng, trên đất có 03 căn nhà của ông T3, ông C, ông T2; Đến năm 1999 đất bị Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích nhưng gia đình (ông T3) vẫn sử dụng đất để ở và làm

ruộng, vườn đến năm 2009 thì ông T3 di dời nhà; Đến năm 2012 ông T2, ông C mới dỡ nhà di dời đi nơi khác để ở (do nhà bán nên tái định cư); còn chỗ tranh chấp thì ông C, ông T2 vẫn sử dụng mua bán nước giải khát; Sau khi bị thu hồi thì gia đình ông T3 được bán 03 nền tái định cư và đã nhận rồi; Còn đối với diện tích tranh chấp thì ông T3 không được cấp lại nhưng ông C chiếm sử dụng cất liệu mua bán cho đến ngày nay. Do vậy, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Ông Nguyễn Minh T2 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông Đ, không có bổ sung gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1.

Buộc ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh T2 di dời tài sản trên đất để trả diện tích 66,4m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 thuộc thửa số 79 tờ bản đồ 31, tọa lạc tại phường A, thành phố C cho ông Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 được sử dụng.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 19/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Minh T2 và ông Nguyễn Minh C (đại diện là ông Võ Văn Đ) kháng cáo yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02176; số bìa: CR 946329, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 31, diện tích 66,4m², mục đích đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường A, thành phố C, vì trên đất ông Nguyễn Minh T2 và ông Nguyễn Minh C là người sử dụng từ trước năm 1999 đến nay, có nhiều người xác nhận nên (Quyết định số 266/QĐ-UBND-NĐ, ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh Đ công nhận quyền sử dụng đất dẫn đến cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 là trái với Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày

15/05/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2013).

Yêu cầu công nhận diện tích 66,4m², thửa số 79, tờ bản đồ số 31, tọa lạc Phường 1, cho ông Nguyễn Minh T2 và ông Nguyễn Minh C, được quyền sử dụng theo Luật đất đai năm 2013.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông T trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với ông C và ông T2 về giải quyết vụ án.

+ Ông Đ và ông Tuấn A trình bày: Ông C và ông T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm thu thập chứng cứ làm rõ bà Nguyễn Thị Đ1 (vợ ông T2) và ông Nguyễn Minh T4 (em của ông C, ông T2) có đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 79 diện tích 66,4m² không, quản lý đất từ khi nào, sử dụng đất vào mục đích gì, trên đất có tài sản của ông T4 và bà Đ1 không, họ có yêu cầu gì không và còn ai đang quản lý sử dụng đất không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Quãng Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Văn T5 di dời tài sản ra khỏi phần đất của ông T, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông C và ông T5 kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông C ủy quyền cho ông Võ Văn Đ và ông T5 ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn A thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp nên chấp nhận.

[2] Ông T trình bày, phần đất của ông T diện tích 66,4m² thửa số 79 tờ bản đồ số 31, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cấp cho hộ ông T

ngày 12/8/2019, đất tại Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng tháng 02 năm 2021, ông C và ông T5 đến che tấm bạt để bán nước giải khát nên yêu cầu di dời tài sản trả đất. Ông C và ông T5 không đồng ý theo yêu cầu của ông T, vì việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T đối với diện tích đất nêu trên là không phù hợp quy định.

Xét thấy, ông T cho rằng nguồn gốc thửa đất số 79 thuộc một phần diện tích đất do ông Huỳnh Kim Ân chuyển nhượng lại vào năm 1978, nay hộ ông T được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên đất thuộc quyền sử dụng hợp của hộ ông là phù hợp, bởi vì:

Năm 1999 thì Nhà nước thu hồi đất của ông T nên ông khiếu nại và được cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: Ủy ban nhân dân tỉnh Đ căn cứ Kết luận số 3602/BC-TTCTP ngày 01/12/2010 của Thanh tra Chính phủ và biên bản làm việc giữa Thanh tra Chính phủ với Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ngày 25/3/2011 (nội dung nêu trong quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh), đã ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/8/2011, với nội dung là công nhận QSDĐ diện tích 10.452,8m² cho ông Quảng Văn T (trong đó có 1.680m² đất trồng cây lâu năm, Ủy ban nhân T6 đã có quyết định thu hồi đất để xây dựng Bảo hiểm y tế tỉnh Đồng Tháp và đã xác lập phương án bồi thường năm 1999 cho ông T nên không xem xét lại). Phần diện tích còn lại 8.772,8m² thống nhất công nhận cho ông T. Hiện tại Quyết định số 266/QĐ-UBND-NĐ nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

Khi giải quyết khiếu nại thì cơ quan chuyên môn có tiến hành đo đạc đất của ông T trên thực tế và vị trí đất được xác định tại Bản trích đo số 35/BĐĐC ngày 14/7/2011 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường tỉnh Đ (trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 31), phần đất ô số 6 loại đất “LNK” diện tích 66,4m², giáp với đường Đ. Đồng thời theo trích lục bản đồ địa chính số 2042/TLĐC ngày 24/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, xác nhận phần đất của ông T trên tờ bản đồ số 31 là thửa số 79 diện tích 66,4m².

Tại Công Văn số 1007/CNVPHĐKĐĐTPCL-KTĐC ngày 15/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ý kiến như sau: Diện tích đất tranh chấp trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 có diện tích 66,4m² tương ứng vị trí đất của thửa 79, tờ bản đồ số 31, đã được cấp giấy chứng nhận

QSDĐ cho hộ ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1. Hộ ông Quãng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu tại thửa 79, tờ bản đồ số 31 nên không đối ứng được với bản đồ 299.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận cho hộ ông T đã được Ủy ban nhân dân Phường A lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 13/3/2018, gồm có ông D, bà S, bà Quỳnh C1, bà H, bà N là những người từng cư trú thời điểm bắt đầu sử dụng đất xác nhận ông T trực tiếp sử dụng đất và có công khai hồ sơ theo quy định. Qua đó cho thấy theo sơ đồ đo đạc ngày 19/02/2024 thì phần đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 là của hộ ông T và việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông T là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

[3] Ông Đ và ông Tuấn A cho rằng diện tích đất 66,4m² là của ông C1 và ông T5, tuy nhiên ông Đ khai rằng trước đây ông T3 (cha của ông C1, ông T5) có đất tại khu vực đất của ông T, đồng thời ông T3 đến ở và sử dụng đất có nguồn gốc là của người khác (tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/6/2024 ông Đ khai không có mua của ai), diện tích khoảng 3000m² (bút lục 342). Đối với việc Nhà nước thu hồi đất của ông T3, ông C1, ông T5 thì các ông đã được nhận tiền bồi thường và nhận nền tái định cư xong. Nay tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ khai giấy tờ liên quan đến đất của C1 và ông T5 bị thất lạc, nên không có chứng cứ chứng minh diện tích đất 66,4m² là của ông C1 và ông T5 bị thu hồi trước đây.

Trung tâm Phát triển quỹ đất có văn bản ý kiến (số 377/TTPTQĐ-BTPMB ngày 26/6/2024): Trung tâm Phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đ được thành lập theo Quyết định số 74 ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 13/02/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết số 14/QĐ-UB-TL, về việc chuyển Trung tâm Phát triển quỹ nhà đất thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, về trực thuộc Sở T9 và đổi tên thành Trung tâm Phát triển quỹ đất. Việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T3 được thực hiện vào năm 1999, do đó Trung tâm Phát triển quỹ nhà đất không có thực hiện thu hồi đất của ông T3, nên không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án thành phố C. Vì vậy, ông Đ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Thịnh K phù hợp là không có cơ sở.

[4] Ngoài ra, ông Đ khai là ông C1 và ông T5 sử dụng diện tích đất liên tục cho đến nay. Các nhân chứng như bà H1, ông T7, ông M, ông T8 trình bày là ông C1, ông T5 sử dụng đất từ trước đến nay, nhưng thực tế đã từ lâu các

nhân chứng không còn sinh sống gần phần đất của ông T. Nay ông Thịnh K thừa nhận và cho rằng ông C1, ông T5 che tấm bạt vào khoảng tháng 02 năm 2021. Mặt khác, theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân Phường A, để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông T thì ông D, bà S, bà Quỳnh C1, bà H, bà N là những người từng cư trú thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã xác nhận ông T trực tiếp sử dụng đất. Vì vậy có cơ sở xác định ông C1, ông T5 bán nước giải khát trên đất tranh chấp từ khoảng tháng 02 năm 2021.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm thu thập chứng cứ theo các nội dung nêu ở phần trên.

Nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ (đại diện cho C1) và ông T5 đều khẳng định đất do hai ông sử dụng chứ không còn ai khác và chỉ che tạm tấm bạt để bán nước giải khát (bút lục 341, 342). Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2023 ông C1, ông T5 cũng không xác định vị trí đất và cho rằng sẽ có văn bản ý kiến sau. Nay tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông Tuấn A đều trình bày sau khi xem xét thẩm định tại chỗ đến khi xét xử sơ thẩm thì ông C1, ông T5 cũng không có khiếu nại hoặc ý kiến gì khác đối với việc xem xét thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T4 khai là không đồng ý theo yêu cầu của ông T; đồng thời xác nhận ông C1 có nói cho ông biết việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa ông T và ông C1, ông T5, nhưng ông T4 thừa nhận không có gửi đơn đến Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu gì.

Ông T thì cho rằng chỉ thấy ông C1 và ông T5 che tạm tấm bạt bán nước giải khát chứ không biết ông T4 và bà Đ1. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận trên đất chỉ có 03 trụ sắt để làm mái che tạm (tấm bạt) và thực tế chỉ bán nước giải khát vào ban ngày. Qua đó cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ đầy đủ và đã làm rõ ngoài ông C1, ông T5 là người làm mái che tạm thì không còn ai khác, nên xác định ông C1 và ông T5 là người phải có trách nhiệm di dời tài sản ra khỏi phần đất 66,4m² của ông T là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C1 và ông T5. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 34, 35, 39, 74, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 166, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 169 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1.

Buộc ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh T2 di dời tài sản trên đất để trả diện tích 66,4m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 thuộc thửa số 79 tờ bản đồ 31, tọa lạc tại Phường A, thành phố C cho ông Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch T1 được sử dụng.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 19/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh T2 phải liên đới nộp 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh C phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0012525 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Minh T2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

300.000đ theo biên lai thu số 0012526 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí tố tụng là chi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 4.409.680 đồng; ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh T2 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 4.409.680 đồng và ông T được nhận lại số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSPA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng